

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Thị trường giằng co phía trên ngưỡng 1,830 trong cả buổi sáng trước khi lực bán gia tăng và đẩy VN-Index lùi xuống giao dịch trong vùng 1,805 – 1,825. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,808.51 điểm, giảm gần 10 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dầu khí, Hóa chất đã đảo chiều giảm mạnh sau nhịp tăng nóng. Ở chiều ngược lại, ngành Bất động sản tăng mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM, đặc biệt bán ròng hơn 3 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Tâm lý thị trường vẫn chưa ổn định, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong giai đoạn này; VN-Index đang kiểm tra ngưỡng SMA20 và SMA50.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL có xu hướng giảm cùng chiều với nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 05/03/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-9.76** điểm, đóng cửa tại **1808.51** điểm. HNX-Index **-0.26** điểm, đóng cửa tại **257.59** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+16.07)**, **VHM (+1.33)**, **VPL (+0.47)**, **ACB (+0.39)**, **GEL (+0.20)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-4.31)**, **MCH (-2.57)**, **GVR (-2.42)**, **BSR (-2.26)**, **BID (-1.75)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **34,268** tỷ đồng, giảm **-23.81%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **35,422** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **40.94** điểm. Thị trường có **153** mã tăng, **51** mã tham chiếu, **185** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-3117.49** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-573.08 tỷ)**, **HPG (-289.83 tỷ)**, **VHM (-225.08 tỷ)**, **SSI (-184.16 tỷ)**, **PVD (-140.18 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-109.87** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.99%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - KDH (+1.90%)** ([Link báo cáo](#))
 - VHM (+1.60%)** ([Link báo cáo](#))
 - ACB (+1.51%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-1.54%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - VIC (+5.91%)** ([Link báo cáo](#))
 - VCG (+2.87%)** ([Link báo cáo](#))
 - GEX (+2.57%)** ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.99%	-1.54%	-0.54%	-0.70%
1 tuần	-3.37%	-2.88%	-3.78%	-6.14%
1 tháng	-0.24%	-0.18%	-0.27%	-2.75%
3 tháng	5.78%	6.17%	3.86%	-1.66%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,808.51	257.59	127.90
% 1D	-0.54%	-0.10%	0.53%
GTKL (tỷ VND)	34,268	3,823	1,011
%1D	-23.81%	22.87%	-50.25%
GDNN (tỷ VND)	-3117.49	-109.87	-0.80

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
KDH	123.64	FPT	-573.08
DPM	67.76	HPG	-289.83
TCX	30.83	VHM	-225.08
DGW	25.84	SSI	-184.16
MBB	21.08	PVD	-140.18

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,870	0.78%	-1.10%
FTSE100	10,571	0.03%	-2.54%
Eurostoxx	5,853	-0.06%	-5.00%
Shanghai	4,109	0.64%	-0.92%
Nikkei	55,278	1.90%	-6.09%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	83.93	4.53%
Giá vàng	5,169	-0.28%
Tỷ giá		
USD/VND	26,307	0.01%
EUR/VND	31,312	0.46%
JPY/VND	171	0.59%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	
LS LNH 1M	7.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	164.80	5.91%	16.07	7.73
VHM	95.00	1.60%	1.33	4.11
VPL	75.50	1.62%	0.47	1.79
ACB	23.55	1.51%	0.39	5.14
GEL	35.60	2.89%	0.20	0.89

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

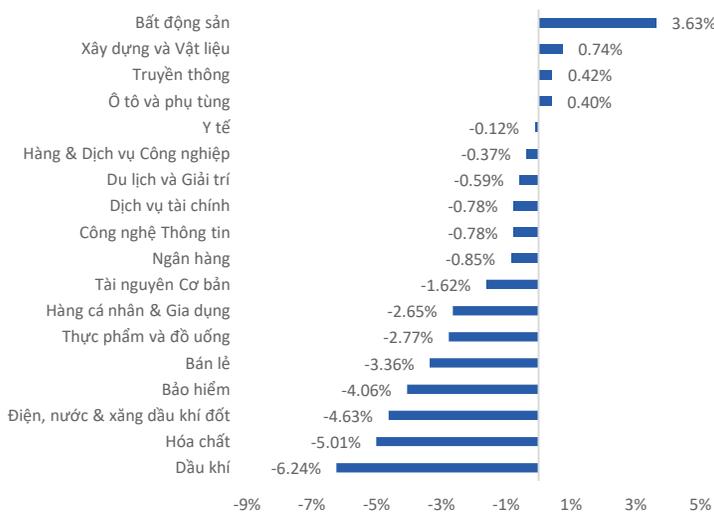
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	19.70	4.79%	0.48	0.90
MBS	28.50	2.15%	0.23	0.67
HUT	15.90	1.92%	0.18	1.07
PMC	155.00	8.01%	0.07	0.01
IPA	18.00	2.86%	0.06	0.21

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HRC	63.30	6.93%	0.03	0.00
PIT	9.27	6.92%	0.00	0.02
ORS	14.75	6.88%	0.14	15.22
PLP	5.63	6.83%	0.01	0.06
HU1	6.31	6.77%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NHC	22.30	8.78%	0.02	0.00
HJS	29.30	8.52%	0.21	0.00
SJ1	12.90	8.40%	0.19	0.00
PMC	155.00	8.01%	0.46	0.00
CAN	29.90	7.17%	0.04	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	119.70	-6.99%	-4.31	2.41
MCH	150.10	-6.19%	-2.57	1.29
GVR	40.55	-7.00%	-2.42	4.00
BSR	35.60	-5.94%	-2.26	5.01
BID	44.40	-2.63%	-1.75	7.02

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

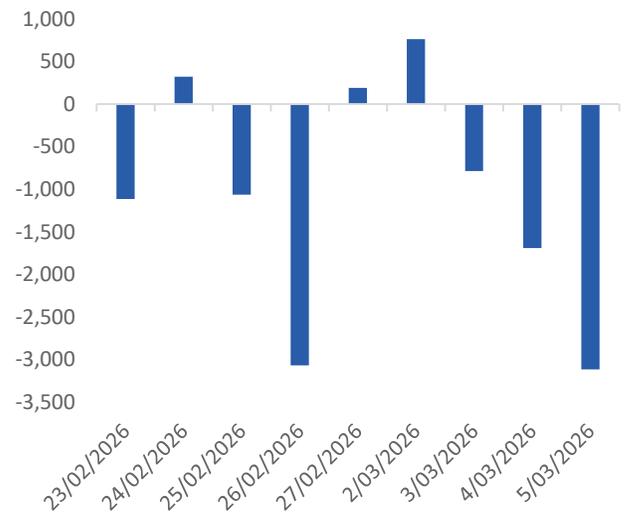
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	51.00	-1.92%	-0.28	0.51
IDC	44.80	-2.82%	-0.27	0.38
KSF	78.00	-0.64%	-0.25	0.90
KSV	174.00	-0.91%	-0.18	0.20
PGS	49.40	-9.69%	-0.13	0.05

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	40.55	-7.00%	-2.43	7.90
GAS	119.70	-6.99%	-4.32	5.40
HTV	11.35	-6.97%	0.00	0.01
PLX	64.70	-6.91%	-1.21	10.26
TNC	28.90	-6.77%	-0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VLA	9.10	-9.90%	-0.01	0.00
SGH	24.80	-9.82%	-0.12	0.00
PJC	27.90	-9.71%	-0.08	0.00
PGS	49.40	-9.69%	-0.95	0.00
MEL	7.60	-9.52%	-0.04	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tài báo cáo
MWG	Bán lẻ	85.2	-4.1%	1.2	130,396	980.6	4,777	18.6	113,000	47.7%	Link
KBC	Bất động sản	33.1	0.9%	1.1	30,890	190.9	2,500	13.1	46,000	11.2%	Link
KDH	Bất động sản	26.8	1.9%	1.1	29,458	243.4	943	27.9	39,900	28.7%	Link
PDR	Bất động sản	15.7	0.3%	1.4	15,566	197.9	531	29.4	28,200	6.6%	Link
VHM	Bất động sản	95.0	1.6%	1.5	384,043	881.0	10,008	9.3	119,600	8.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	84.4	-0.8%	0.7	144,968	1483.7	5,511	15.4	124,400	34.8%	Link
BSR	Dầu khí	35.6	-5.9%	0.0	189,526	1013.4	1,036		23,200	2.2%	Link
PVS	Dầu khí	51.0	-1.9%	1.3	26,594	1240.3	3,560	14.6	52,300	16.4%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	24.5	-0.4%	1.1	26,567	619.7	1,454	16.9	-	34.3%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	33.5	-0.6%	1.0	83,950	2902.2	2,003	16.8	-	32.7%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	40.5	-0.9%	0.8	34,727	846.5	1,849	22.1	-	18.5%	Link
DCM	Hóa chất	47.7	-4.6%	1.0	26,470	346.8	3,702	13.5	40,200	6.7%	Link
DGC	Hóa chất	71.0	0.1%	1.1	26,926	198.8	7,965	8.9	109,300	8.0%	Link
ACB	Ngân hàng	23.6	1.5%	0.8	119,170	232.8	3,042	7.6	27,100	27.2%	Link
CTG	Ngân hàng	36.2	-0.6%	1.0	282,717	294.0	4,454	8.2	53,500	25.3%	Link
HDB	Ngân hàng	26.0	-1.5%	1.1	131,889	498.3	3,432	7.7	32,700	22.9%	Link
MBB	Ngân hàng	27.1	0.4%	1.0	217,082	483.1	3,325	8.1	33,000	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.6	-0.4%	1.0	36,348	50.2	1,804	6.5	14,000	29.1%	Link
STB	Ngân hàng	64.9	-2.7%	0.9	125,744	833.2	3,150	21.2	-	14.5%	Link
TCB	Ngân hàng	32.2	-0.9%	1.1	230,303	517.0	3,577	9.1	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.1	-1.5%	1.1	47,991	325.0	2,660	6.5	-	24.8%	Link
VCB	Ngân hàng	62.5	-0.8%	0.8	526,408	392.7	4,210	15.0	75,800	20.6%	Link
VIB	Ngân hàng	16.9	0.0%	0.8	57,357	69.0	2,143	7.9	23,000	4.7%	Link
VPB	Ngân hàng	27.0	-0.6%	1.1	215,406	589.5	3,024	9.0	36,500	25.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.3	-1.6%	0.9	212,610	1323.5	2,013	13.8	32,200	22.6%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.0	-1.0%	1.0	9,408	54.6	1,012	15.0	15,700	4.4%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	25.1	0.4%	1.0	9,602	108.2	3,915	6.4	28,800	1.7%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	75.3	-0.9%	1.0	109,890	463.7	2,710	28.1	98,300	23.2%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	63.2	-2.6%	0.6	135,638	584.0	4,503	14.4	78,000	48.6%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	46.0	0.00%	1.2	10,174	168.5	2,494	18.4	20.4%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	159.0	-2.93%	0.9	27,895	129.2	4,667	35.1	32.5%	26.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	76.0	-5.00%	1.2	59,386	52.1	3,996	20.0	27.2%	12.6%	Link
DIG	Bất động sản	13.8	-2.14%	1.2	11,190	173.7	990	14.2	2.4%	7.3%	Link
DXG	Bất động sản	14.1	-3.09%	1.1	16,185	320.8	229	63.7	21.1%	1.9%	Link
HDC	Bất động sản	18.6	0.27%	1.1	3,695	42.1	2,559	7.2	1.5%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	28.3	-1.39%	1.2	10,618	64.7	1,907	15.1	19.5%	10.9%	Link
IDC	Bất động sản	44.8	-2.82%	1.4	17,495	161.4	5,090	9.1	13.8%	32.0%	Link
NLG	Bất động sản	25.6	-0.39%	1.2	12,467	89.2	1,805	14.2	41.4%	6.3%	Link
SIP	Bất động sản	58.0	-1.86%	1.0	14,309	19.2	5,601	10.6	2.8%	28.5%	Link
SZC	Bất động sản	31.5	-2.02%	0.9	5,787	29.4	1,917	16.8	5.0%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	14.0	0.00%	1.3	12,724	68.4	416	33.6	10.2%	3.0%	Link
VIC	Bất động sản	164.8	5.91%	1.6	1,199,058	926.2	1,739	89.5	2.8%	9.4%	Link
VRE	Bất động sản	27.0	-3.57%	1.4	63,625	193.8	2,837	9.9	11.6%	14.3%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	31.9	-0.16%	1.1	7,430	11.3	1,700	18.8	38.1%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	64.7	-6.91%	0.7	88,306	685.6	2,122	32.8	15.3%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	42.3	-6.11%	0.8	25,015	678.3	1,866	24.1	12.6%	6.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.0	0.79%	1.1	10,984	75.1	1,161	27.3	24.9%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	28.5	2.15%	1.7	18,617	637.3	1,884	14.8	0.7%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	119.7	-6.99%	0.8	310,547	666.4	4,730	27.2	2.3%	18.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.2	-1.94%	0.9	47,398	559.5	832	18.6	4.5%	7.1%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.5	-1.55%	0.7	34,937	50.0	4,668	13.8	49.0%	12.7%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	156.4	-4.17%	0.7	96,551	250.5	3,728	43.8	6.5%	10.1%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	36.0	2.57%	1.2	31,629	402.7	1,695	20.7	7.9%	9.3%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	77.3	-2.15%	1.0	33,693	216.1	3,986	19.8	40.8%	13.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.6	-5.07%	0.7	11,314	388.8	6,258	10.7	7.2%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	28.7	-2.21%	0.8	13,792	788.1	2,210	13.3	11.0%	12.7%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	100.6	0.10%	0.8	12,239	43.7	3,325	30.2	5.4%	24.1%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	116.0	-4.05%	0.8	41,245	280.0	8,353	14.5	48.6%	23.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.1	-0.57%	0.7	2,935	35.1	2,402	10.9	48.4%	11.5%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	25.4	-5.22%	1.4	3,450	65.3	3,163	8.5	20.9%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	30.5	-0.33%	0.9	20,806	593.2	1,579	19.4	5.6%	9.6%	Link
GVR	Hóa chất	40.6	-7.00%	1.2	174,400	327.8	1,406	31.0	0.8%	10.3%	Link
EIB	Ngân hàng	22.4	-0.67%	1.2	41,911	365.2	610	36.9	3.6%	4.5%	Link
LPB	Ngân hàng	42.9	-0.58%	0.4	128,752	253.1	3,824	11.3	0.8%	25.2%	Link
NAB	Ngân hàng	13.7	0.00%	0.5	23,419	17.9	2,438	5.6	1.4%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	11.2	0.00%	0.9	29,826	13.0	1,513	7.4	19.6%	12.3%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.7	-2.00%	1.0	6,714	91.1	461	32.5	5.6%	2.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	25.6	-2.48%	1.1	6,976	41.4	3,754	7.0	3.3%	31.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	37.1	-0.13%	0.6	11,294	43.5	341	108.9	4.3%	2.8%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.7	-0.76%	0.8	58,998	35.4	3,449	13.3	58.4%	19.9%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	60.7	-2.10%	0.9	13,916	138.2	6,073	10.2	20.5%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	152.0	0.40%	0.5	12,394	29.7	15,010	10.1	83.7%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	80.6	-3.82%	1.0	8,925	93.9	7,388	11.3	49.0%	8.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	87.0	0.23%	1.0	9,929	41.0	5,244	16.6	5.5%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.5	-0.66%	1.0	5,431	41.3	3,207	14.3	11.5%	15.6%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.0	0.84%	1.1	6,511	57.8	1,196	10.0	10.2%	5.9%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	29.0	-0.68%	0.8	12,010	435.9	2,553	11.4	16.3%	17.4%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	19.7	2.87%	1.0	12,380	267.2	6,084	3.2	3.1%	39.8%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	47.3	0.53%	1.2	21,095	47.4	3,130	15.0	2.6%	16.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
2	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
3	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
4	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
5	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
6	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
7	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
8	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
9	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
10	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
13	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
15	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
16	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
18	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
19	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
20	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>